

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 26/8/2020
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HN ngày 15/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST – HN ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Kiều P, sinh năm: 1993. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Toàn N, sinh năm: 1988. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp Ng.H, xã V.Kh.Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Kiều P trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Nguyễn Văn Toàn N chung sống với nhau từ năm 2008 và được UBND xã V.Kh.Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/7/2012. Sau khi đám cưới thì anh chị về sinh sống riêng tại ấp Ng.H cho đến đầu năm 2016 thì ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân thì anh Toàn N đi đâu, làm gì chị hoàn toàn không biết.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung cháu Phan Văn Ph, sinh ngày 14/02/2009; cháu Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 12/3/2013 và cháu Nguyễn Văn Tr,

sinh ngày 30/7/2016. Hiện nay, cháu Tr đang chung sống cùng chị P. Cháu Ph và cháu L chung sống cùng anh Toàn N từ khi ly thân cho đến nay.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị P xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng chị không có tài sản chung và không phát sinh nợ chung.

Do xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Toàn N; yêu cầu được nuôi cháu Tr và đồng ý giao cháu Ph, cháu L cho anh Toàn N nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Toàn N cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Toàn N không có ý kiến.*

** Tại phiên tòa:*

- *Chị P và anh Toàn N*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Toàn N là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị P khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Toàn N có nơi cư trú cuối cùng tại ấp Ng.H, xã V.Kh.Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh Toàn N nhưng anh Toàn N đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh Toàn N không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và chị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Toàn N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh Toàn N chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V.Kh.Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/7/2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị P về việc ly hôn với anh Toàn N, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị P cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay không có liên lạc với nhau. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị P và anh Toàn N thường xuyên cự cãi, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hạnh phúc là đúng.

Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Toàn N nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Toàn N luôn vắng mặt, không có ý kiến gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị P.

Mặc khác, theo như chị P trình bày chị và anh Toàn N đã ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng anh chị không có liên lạc với nhau nên không thể hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị P được ly hôn với anh Toàn N.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu của chị P được tiếp tục nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh Toàn N cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao 02 cháu Ph và L cho anh Toàn N tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, từ khi chị P và anh Toàn N ly thân thì chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr nên yêu cầu này của chị P là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc chị P đồng ý giao cháu Ph và cháu L cho anh Toàn N tiếp tục nuôi dưỡng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Ph và cháu L thì 02 cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ (*chị P*) khi cha mẹ ly hôn. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao cháu Ph và cháu L (*theo nguyện vọng của 02 cháu*) cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị và anh Toàn N ly hôn là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho 02 cháu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị P xác nhận, trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có phát sinh nợ chung nên HĐXX miễn xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị P và anh Toàn N thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị P phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phan Thị Kiều P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Toàn N.

2/ *Về con chung*: Giao 03 cháu Phan Văn Ph (sinh ngày 14/02/2009, giới tính nam), cháu Nguyễn Thị Kiều L (sinh ngày 12/3/2013, giới tính nữ) và cháu Nguyễn Văn Tr (sinh ngày 30/7/2016, giới tính nam) cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị P không yêu cầu anh Toàn N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng khi cần thiết, chị P có quyền yêu cầu anh Toàn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phan Thị Kiều P chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu 0007790 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị P đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị P và anh Toàn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- UBND xã **V.Kh.Đ**;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh